

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **271/2018/HC-PT**

Ngày 12/3/2018

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại
do thu hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Bảo Nguyên

Ông Nguyễn Hữu Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Huỳnh
Thanh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí
Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 83/2017/TLPT-HC
ngày 16 tháng 11 năm 2017

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm
2017 của Tòa án nhân dân Quận C bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 733/2018/QĐ-PT ngày
21/02/2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Ánh T (Có mặt)

Địa chỉ: 622A, tổ 1, khu phố 1, phường B, Quận C, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Hứa Thị T (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kiều D (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 6/6 Đường L, khu phố P, phường T, Quận C, Thành phố H

3. Ông Huỳnh Văn E (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 14 đường E, khu phố 2, phường D, thị xã D, tỉnh B

Địa chỉ: 622A, tổ 1, khu phố 1, phường B, Quận C, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện:

1. Ông Phạm Công U – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí
Minh. (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Ông Cao Thế L – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận 9

Địa chỉ: 2/304 Xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Đ – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Phạm Thị Ánh T trình bày:

Ngày 02/4/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Phạm Thị Ánh T, địa chỉ 622A, tổ 1, khu phố 1, phường B, Quận C, Thành phố H trong dự án làm đường vào Cung thiếu nhi Quận 9 giai đoạn II tại phường H, Quận C, Thành phố H. Không đồng ý với Quyết định nêu trên bà T làm đơn khiếu nại, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 606/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9. Không đồng ý với Quyết định này, ngày 06/3/2015 bà T làm đơn khiếu nại, ngày 20/4/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ánh T. Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 67/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 thì đến ngày 09/11/2015, bà Phạm Thị Ánh T làm đơn khởi kiện vụ án hành chính gửi đến Tòa án nhân dân Quận 9 yêu cầu huỷ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) Quận 9 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Phạm Thị Ánh T. Ngày 30/11/2015, Tòa án nhân dân Quận 9 ra Thông báo số 44/2015/TB-TA trả lại đơn khởi kiện cho bà T với lý do Tòa án nhân dân Quận 9 đã ban hành Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2015/HC-ST ngày 29/9/2015.

Không đồng ý với Thông báo trên, bà T làm đơn khiếu nại Thông báo số 44/2015/TB-TA. Ngày 07/12/2015, Chánh án Tòa án nhân dân Quận 9 ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 72/2015/QĐ-GQKN có nội dung giữ nguyên Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 44/2015/TB-TA của Tòa án nhân dân Quận 9. Ngày 04/01/2016, bà T làm đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên đến Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16/3/2016, Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 98/2016/QĐ-TATP có nội dung: Chấp nhận khiếu nại của bà T đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 72/2015/QĐ-

GQKN ngày 07/12/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân Quận 9; Tòa án nhân dân Quận 9 nhận lại Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của bà T để xem xét việc thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 98/2016/QĐ-TATP, đến ngày 13/4/2016 bà T đã làm Đơn khởi kiện “V/v ban hành Quyết định hành chính số 18/QĐ UBND ngày 26/1/2015 của UBND Quận 9” đến Tòa án nhân dân Quận 9 yêu cầu: Hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc điều chỉnh Quyết định số 606/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND Quận 9.

Những căn cứ mà người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND Quận 9 là:

Nguồn gốc 224,5 m² đất tọa lạc nhà không số tổ 12, khu phố 2, phường H, Quận 9, vị trí khu đất: Theo tài liệu trước năm 1975 một phần lô số 21³ tờ số 1 tăng Nhơn Phú. Theo tài liệu Chỉ thị 299/TTg một phần các thửa số 29 tờ số 4 xã tăng Nhơn Phú huyện Thủ Đức; Theo bản đồ địa chính (số) lập năm 2003 thửa số 13 và một phần thửa số 15, tờ số 64, phường Hiệp Phú, Quận 9 có nguồn gốc: Trước năm 1964 do ông Bùi Văn Q sử dụng. Năm 1964, các thửa kế của ông Quân bán lại cho ông Nguyễn Trung T và bà Trần Thị M. Năm 1975, ông Thu và bà Mai đi Mỹ và giao lại cho ông Nguyễn Ngọc Ấn sử dụng. Năm 1993, ông Ấn chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Ánh T, vị trí thửa đất: đất mặt tiền đường vào Cung thiếu nhi Quận 9. Từ tháng 8 năm 1993, bà T xây dựng nhà và sử dụng ổn định, không ai tranh chấp cho đến khi bị giải tỏa. Thửa đất và căn nhà nơi bà T ở nêu trên nằm trong diện tích quy hoạch để Nhà nước làm đường vào Cung Thiếu nhi Quận 9. Do UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà T là: 46.224.000 đồng, trong đó tính hỗ trợ 224,5m² đất trồng cây lâu năm không mặt tiền đơn giá 152.000 đồng/m², bồi thường một giếng khoan sâu 55m với đơn giá 5.000.000 đồng, hỗ trợ tháo dỡ di dời 2.000.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống cho 5 nhân khẩu đơn giá 1.000.000 đồng/nhân khẩu. Đến ngày 26/01/2015 UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND điều chỉnh số tiền hỗ trợ bổ sung về giá trị đất và vật kiến trúc cho hộ bà T là 249.107.000 đồng. Nhận thấy UBND Quận 9 chỉ hỗ trợ đất ở đường hẻm Nhà Thiếu nhi với mức 30% đơn giá 6.700.000 đồng/m² đối với 100 m² đất ở và phần diện tích còn lại 124,5 m² (224,5-100) được hỗ trợ bằng giá 152.000 đồng/m² đất nông nghiệp là không đúng, nên yêu cầu hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của UBND Quận 9 và yêu cầu được đền bù theo giá thị trường, yêu cầu bồi thường chứ không đồng ý hỗ trợ.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân Quận 9 trình bày: Thực hiện theo Quyết định thu hồi đất số 267/QĐ-UBND ngày 25/4/2007 và Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của UBND Quận 9 về việc thu hồi đất trong dự án làm đường vào Cung Thiếu nhi tại phường Hiệp Phú, Quận 9; căn cứ vào bản đồ hiện trạng vị trí chi tiết thì 224,5 m² đất thuộc thửa số 15 tờ số 64 (tài liệu năm 2003), phường Hiệp Phú, Quận 9 của bà Phạm Thị Ánh T thuộc đối tượng thu hồi đất. Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Quận 9 đã xây dựng phương án bồi thường số 05/PABT-HĐBT ngày 31/8/2009 và được UBND Quận 9 duyệt ngày 29/9/2009. Nguồn gốc phần đất này là do ông Nguyễn Ngọc Ấn tự chiếm sử dụng vào khoảng năm 1978, đến năm 1991 ông Ấn lập giấy tay chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Ánh T sử dụng. Cùng năm bà T xây dựng nhà và sử dụng cho đến khi bị giải tỏa. Bà T không thực hiện kê khai nhà đất năm 1999 đối với phần nhà đất này và nhà đất này có quyết định xử phạt vi phạm hành chính buộc tháo dỡ. Căn cứ vào điểm d, khoản 2, mục III phần VI của Phương án số 05 quy định mục đích sử dụng là đất ở thì được xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường; tại Văn bản số 787/UBND-ĐTMT ngày 26/02/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định đơn giá đất ở để tính bồi thường vị trí đường hẻm rộng khoảng từ 2m-3m đường Nhà Thiếu nhi là 6.700.000 đồng/m². Do đó, hộ bà T được tính hỗ trợ 100m² đất ở x 6.700.000đồng/m² x 30% là đúng quy định. UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2017/HCST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 9 đã xử:

Bác khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T yêu cầu hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Chủ tịch UBND Quận 9 về việc điều chỉnh Quyết định số 606/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch UBND Quận 9.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/10/2017 bà T kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND để UBND bồi thường lại 224,5m² đất theo đơn giá đất ở thị trường 50.000.000 đồng/m². Các người đại diện theo ủy quyền của bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nhưng bà T trình bày trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa; đồng thời không yêu cầu Luật sư Phạm Công Út tham gia bảo vệ quyền lợi cho bà, Luật sư Út cũng có đơn không tham gia tố tụng tại phiên tòa, nên sự vắng mặt của Luật sư Út không ảnh hưởng đến vụ án; Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo

luật định.

- Đại diện UBND Quận 9 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Nhà, đất của bà T có nguồn gốc rõ ràng, không thuộc trường hợp buộc tháo dỡ. Đất do ông Ân chuyển nhượng cho bà T đã có kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND Quận 9 trình bày: Toàn bộ diện tích nhà đất của bà T thuộc hành lang an toàn điện (đường dây điện được xây dựng từ năm 1963; chủ sử dụng đất từ năm 1978, đến năm 1993 chuyển nhượng lại cho bà T); mặc dù đến năm 2006 nâng cấp lưới điện thì có 202,7m² đất thuộc hành lang an toàn điện, 21,8m² không thuộc hành lang an toàn điện, do đó tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có vi phạm toàn bộ diện tích đất trong hành lang an toàn điện. Yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính tại phiên tòa. Về nội dung: Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm hành lang an toàn điện đối với toàn bộ diện tích đất, nên không được xem là đất ở. Án sơ thẩm xử có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục kháng cáo: Bà T kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

- Về phạm vi kháng cáo của bà T:

[1] Đối tượng khởi kiện của vụ án là Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của UBND Quận 9. Quyết định này có nội dung bổ sung Quyết định 606/QĐ-UBND-BBT ngày 26/01/2015 về bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND Quận 9, các nội dung khác của Quyết định 606/QĐ-UBND-BBT được giữ nguyên. Tòa án nhân dân Quận 9 thụ lý xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Tính hợp pháp của Quyết định 18/2015/QĐ-UBND

Thẩm quyền ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015: theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 và Khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013, thì việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư là thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Do đó, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Bà T yêu cầu hủy Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND, với lý do đất có nguồn gốc rõ ràng, không phải đất chiếm dụng và yêu cầu được bồi thường theo giá thị trường chứ không đồng ý hỗ trợ. Việc UBND Quận 9 chỉ hỗ trợ với đơn giá 6.700.000đồng/m² x 30% là không đúng.

Xét bản đồ hiện trạng vị trí thì phần đất có diện tích 224,5m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 64 (theo tài liệu năm 2003) phường Hiệp Phú, Quận 9 có nguồn gốc do chính quyền chế độ cũ sử dụng để xây dựng và đưa vào vận hành đường dây điện 110KV Thủ Đức – Đồng Nai, Thủ Đức – Long Bình từ năm 1963. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp quản và trực tiếp quản lý vận hành lưới điện phục vụ công cộng, khoảng năm 1978 ông Nguyễn Ngọc Ân tự chiếm dụng canh tác hoa màu. Đến năm 1993 ông Ân lập giấy tay chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Ánh T sử dụng. Cùng năm bà T sửa chữa lại nhà và sử dụng. Từ năm 1993, nhà đất của bà T là một trong những hộ xây dựng trái phép dưới đường điện cao thế đã bị UBND huyện Thủ Đức ban hành quyết định xử lý hành chính vào năm 1994 và ban hành quyết định cưỡng chế buộc tháo dỡ. Ngày 28/02/1995 UBND xã Hiệp Phú ra Thông báo số 41/CV-UB về việc buộc tháo dỡ các hộ cư trú dưới đường điện cao thế đến hết ngày 05/3/1995 là hạn chót;

Xét ngày 01/10/2002 Công ty Truyền tải điện 4 lập biên bản vi phạm Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp của hộ bà Phạm Thị Ánh T, do toàn bộ nhà, đất của bà T thuộc hành lang an toàn điện (Lưới điện được xây dựng năm 1963);

Xét nội dung trích kết luận cuộc họp ngày 31/12/2009 của UBND phường Hiệp Phú, Quận 9, xét nguồn gốc nhà, đất của hộ bà Phạm Thị Ánh T có nội dung: *đất do chủ cũ tự chiếm sau giải phóng sử dụng đến năm 1993 ông Ân chuyển nhượng lại cho bà T;*

Do đó, tại thời điểm bắt đầu sử dụng, nhà đất ông Ân tự chiếm năm 1978 đã có vi phạm toàn bộ diện tích trong hành lang an toàn điện, mặc dù đến năm 2006 nâng cấp lưới điện thì chỉ có 202,7m² đất thuộc hành lang an toàn điện, 21,8m² không thuộc hành lang an toàn điện (*Bản án hành chính phúc thẩm 421/2016/HCPT ngày 04/4/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử đối tượng khởi kiện là Quyết định giải quyết khiếu nại số 67/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Chủ tịch UBND Quận 9*)

Tại điểm d khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân không được cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất được sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trong trường hợp tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm: lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng đã được*

công bố, cắm mốc”;

Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định: *đối với đất đã sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, nhưng không có giấy chứng nhận hoặc giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật đất đai và được UBND cấp xã xác nhận đất không tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo qui định: trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 nghị định này, thì người sử dụng đất được bồi thường về đất thực tế đang sử dụng ...*

Từ các căn cứ nêu trên thì nhà đất có diện tích 224,5m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 64 (theo tài liệu năm 2003) phường Hiệp Phú, Quận 9 của bà T bị thu hồi là thuộc trường hợp không được bồi thường về đất ở.

Đề xuất tại Văn bản số 870/HĐTĐBT-TTr ngày 12/11/2014 của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố về giải quyết khiếu nại của 19 hộ dân trong dự án đường vào Cung thiếu nhi, Quận 9 đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận tại Văn bản số 6120/UBND-PCNC ngày 21/11/2014 là phù hợp với quy định tại Điểm a, Khoản 7, Mục III của Phương án bồi thường số 05/PABT-HĐBT ngày 31/8/2009 Hội đồng bồi thường dự án làm đường vào Cung thiếu nhi Quận 9 giai đoạn II tại phường Hiệp Phú- Ủy ban nhân dân Quận 9, đã quy định cụ thể về những trường hợp thu hồi đất mà không được bồi thường: “Trường hợp đất đưa vào sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 mục đích sử dụng là đất ở thì được xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá 100m²/hộ...” và phù hợp với quy định tại mục I phần IV của Phương án bồi thường số 05/PABT-HĐBT ngày 31/8/2009 nói trên, quy định cụ thể về những trường hợp thu hồi đất mà không được bồi thường, cụ thể: “giá đất ở hẻm rộng khoảng 2m-3m đường nhà thiếu nhi 6.700.000đồng/m²”.

Quyết định 18/2015/QĐ-UBND-BBT hỗ trợ cho bà T về đất ở bằng 30% đơn giá 6.700.000 đồng/m² đối với 100m² đất ở hẻm, đường vào nhà Thiếu nhi và hỗ trợ 152.000 đồng/m² đối với 124,5m² đất nông nghiệp là đúng quy định.

Án sơ thẩm xử có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của bà T.

Án phí hành chính phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu. Bà Phạm Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 34; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 66 và khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng d khoản 4 Điều 14, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Áp dụng khoản 1 Điều 34, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T; giữ nguyên án sơ thẩm:

1. Bác khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T yêu cầu hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc điều chỉnh Quyết định số 606/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ánh T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007560 ngày 22/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ánh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/03411 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 9;
- TAND Quận 9;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu